

Bản án số: **142/2025/HS - PT**
Ngày: 26 - 12 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Hoàng Ngọc Liễu

Các thẩm phán: ông Nguyễn Quang Tuấn
bà Trần Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: bà Lò Phương Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: ông Hoàng Cao Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ (cơ sở 3) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 116/2025/TLPT- HS ngày 29 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Quang N, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quang N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2025/HS-ST ngày 24/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Phú Thọ.

Bị cáo có kháng cáo: **NGUYỄN QUANG N**, sinh năm 1983 tại Phú Thọ. HKTT: Khu F, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hòa Bình (nay là khu F, xã C, tỉnh Phú Thọ); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1960 và bà Cao Thị Q, sinh năm 1957; Vợ là Tô Thị Đ, sinh năm 1989 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2012 và nhỏ nhất sinh năm 2015.

Bị cáo là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ khu 6, Đảng bộ thị trấn C, huyện C, tỉnh Hòa Bình (nay là Chi bộ 6, Đảng bộ xã C). Hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo quyết định số 72 - QĐ/UBKTHU- ngày 12/6/2025 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy C.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/5/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Quân khu C1 – Bộ Quốc Phòng về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Hà Huy S - Công ty TNHH H2 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Địa chỉ: L, L, số A Khu Ấ, phường T, thành phố Hà Nội.

- *Bị hại:* anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1993. Địa chỉ: tổ C, phường H, tỉnh Phú Thọ.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Phạm Minh Đ1, sinh năm 1994. Địa chỉ: tổ C, phường H, tỉnh Phú Thọ.

+ Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1994. Địa chỉ: tổ A, phường T, tỉnh Phú Thọ.

Tại phiên tòa, bị cáo N, Luật sư S, anh Đ1 có mặt. Anh N1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị H đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Đỗ Thị H và chồng là anh Nguyễn Anh D có 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent, màu đỏ, BKS 28A - 158.15 (đăng ký xe mang tên chị H) để kinh doanh dịch vụ cho thuê xe tự lái. Khoảng tháng 5/2022, anh D đi làm ăn tại thành phố P, tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang) nên gửi anh Phạm Thanh T và anh Nguyễn Văn N1 tiếp tục kinh doanh cho thuê chiếc xe ô tô BKS 28A-158.15. Từ tháng 5/2022 đến tháng 6/2023, anh T cùng với anh Nguyễn Văn N1 cùng kinh doanh cho thuê chiếc xe ô tô trên và số tiền có được từ việc cho thuê xe đều đưa lại cho chị H.

Khoảng đầu tháng 6/2023, Nguyễn Quang N được Phạm Ngọc L nhờ đứng ra thuê xe ô tô để mang đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân do L đã vay tiền và thuê xe nhiều nơi nên không tiếp tục đứng tên thuê xe được nữa. L thỏa thuận với N khi thuê được xe sẽ mang đi cầm cố lấy tiền chia nhau và chi tiêu cá nhân, N đồng ý.

Ngày 03/6/2023, do đã từng thuê xe ô tô tự lái tại cửa hàng cho thuê xe của anh Nguyễn Văn N1 nên L cùng N đến cửa hàng cho thuê xe ô tô của anh N1, L chờ bên ngoài còn N vào gặp anh N1 để thuê xe ô tô. Sau khi thỏa thuận, anh N1 đồng ý cho N thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent màu đỏ, BKS 28A-158.15 mức giá thuê xe ô tô là 800.000 đồng/ngày và N phải trả trước tiền thuê xe 10 ngày, cộng thêm 8.000.000 đồng để đảm bảo thanh toán phạt nguội (nếu không bị phạt nguội sẽ trả lại số tiền này khi N trả xe), tổng cộng là 16.000.000

đồng, N nói khi về nhà sẽ chuyển khoản thanh toán số tiền này cho anh N1. Sau đó, anh N1 đưa mẫu hợp đồng thuê xe và biên bản giao xe cho N tự điền các thông tin của N vào mẫu, thời hạn thuê xe là 10 ngày. Khi Nam điền đầy đủ các thông tin và ký tên vào các giấy tờ trên thì anh N1 đưa chìa khóa, giấy đăng ký xe (bản phô tô) và chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent cho N. Được anh N1 giao xe, N đi ra khỏi cửa hàng và đưa chìa khóa xe cho L điều khiển chiếc xe ô tô vừa thuê được chở N đến nhà thẳng của anh Phạm Minh Đ1 để cầm cố chiếc xe trên. Khi đến nơi, L đứng chờ bên ngoài còn N vào gặp anh Đ1. Anh Đ1 hỏi N về nguồn gốc chiếc xe mà N đi đến thì N khẳng định chiếc xe Hyundai Accent mà N đi đến thuộc quyền sở hữu của N nên anh Đ1 và N thỏa thuận về việc mua, bán chiếc xe trên. Anh Đ1 và N cùng thỏa thuận giá mua, bán chiếc xe là 450.000.000 đồng, N viết giấy bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent, màu đỏ, BKS 28A-158.15 cho anh Đ1, trên giấy bán xe thể hiện giá trị mua, bán là 450.000.000 đồng. Anh Đ1 sẽ thanh toán trước cho N số tiền 250.000.000 đồng, còn N có trách nhiệm làm thủ tục sang tên quyền sở hữu chiếc xe cho anh Đ1 trong vòng 20 ngày. Khi sang tên xong anh Đ1 sẽ thanh toán cho N số tiền 200.000.000 đồng còn lại. Sau khi viết giấy bán xe xong, N cung cấp tài khoản ngân hàng V số 9969642968 của N, anh Đ1 chuyển tiền mua, bán xe cho N, sau đó N để xe ô tô cùng chìa khóa xe lại cho anh Đ1 rồi cùng L đi về nhà. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, anh Đ1 chuyển khoản cho N số tiền 163.000.000 đồng. Nhận được tiền, Nam chuyển khoản số tiền 38.000.000 đồng trả tiền thuê xe cho anh N1 (gồm tiền thuê chiếc xe ô tô BKS 28A-158.15 và tiền thuê xe L còn nợ những lần thuê xe trước đó) và chuyển cho L số tiền 110.000.000 đồng, còn lại số tiền 15.000.000 đồng Nam chi tiêu cá nhân hết.

Do không thấy N đến trả xe theo Hợp đồng thuê xe, anh N1 đã liên hệ nhiều lần nhưng không liên lạc được với N, nên đã báo lại cho chị H biết. Cho rằng N chiếm đoạt chiếc xe ô tô nên ngày 04/4/2024, chị H đến cơ quan điều tra trình báo. Cũng trong thời gian này, anh Đ1 không thấy N thực hiện thỏa thuận như trong giấy bán xe, nên anh Đ1 đã liên hệ nhiều lần và đến nhà ở của N thì được bố, mẹ của N cho biết N đã bị cơ quan cho buộc thôi việc, đã đi khỏi nhà và gia đình không liên lạc được. Cho rằng bị N chiếm đoạt tài sản nên ngày 08/4/2024, anh Đ1 đến cơ quan điều tra trình báo nội dung sự việc.

Bản kết luận định giá tài sản số 81/KL-HĐĐGTS ngày 03/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố H (*nay thuộc*

tỉnh Phú Thọ), kết luận: “01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent 1.4AT HGSPE, BKS 28A-158.15, màu sơn: đỏ, số máy G4LCMG045010, số khung RLUA841BBNN072691, năm sản xuất 2022, đăng ký lần đầu ngày 18/4/2022, xe kinh doanh dịch vụ, tình trạng đã qua sử dụng có giá trị là 450.000.000 đồng; thời điểm định giá T06/2023.”

Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2025/HS - ST ngày 24/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Phú Thọ áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang N phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Xử phạt: bị cáo Nguyễn Quang N 11 (Mười một) năm tù. Ngoài ra, Bản án hình sự sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại và các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 03/10/2025, bị cáo Nguyễn Quang N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bổ sung kháng cáo đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của anh Đ1 về việc buộc bị cáo phải thanh toán số tiền 163.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về thời hạn kháng cáo và thủ tục thực hiện quyền kháng cáo của bị cáo đã được thực hiện trong thời hạn và đúng hình thức theo quy định.

Về nội dung, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và xử phạt bị cáo Nguyễn Quang N 11 năm tù là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có thêm Giấy khen, chứng nhận lao động tiến tiến là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2025/HS-ST ngày 24/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Phú Thọ, giảm cho bị cáo 6 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo hoàn trả lại tiền cho anh Phạm Minh Đ1. Về án phí, bị cáo N không phải chịu án phí phúc thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo, Luật sư Hà Huy S trình bày: Về tội danh không đồng tình với quan điểm của Kiểm sát viên là tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản vì trước khi bị cáo nhận xe từ N1, bị cáo không có hành vi gian dối mà chỉ có ý định

thuê xe rồi đi cầm cố để lấy tiền tiêu sài, do đó không cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, Sửa bản án sơ thẩm để áp dụng điều khoản của Bộ luật Hình sự về tội nhẹ hơn như tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Đối với phần trách nhiệm dân sự, đề nghị Tòa án không chấp nhận việc buộc Nguyễn Quang N phải trả số tiền 163.000.000 đồng cho anh Đ1 vì giữa anh Đ1 và bị cáo là quan hệ dân sự khác không liên quan đến vụ án này, không xác định Đ1 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 359 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hủy và đình chỉ vấn đề dân sự này.

Bị cáo không có ý kiến gì tranh luận. Khi nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và không buộc bị cáo phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 163.000.000 đồng cho anh Đ1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, Cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, Người bào chữa. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, Người bào chữa là hợp pháp.

[1.2]. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo có đơn kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm. Căn cứ Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, kháng cáo trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và Luật sư S, anh Đ1 có mặt. Anh N1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị H đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, cụ thể: do có ý định chiếm đoạt tài sản từ trước nên ngày 03/6/2023 tại tổ A, phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình (nay là phường H, tỉnh Phú Thọ),

Nguyễn Quang N bằng thủ đoạn gian dối là thuê xe ô tô BKS 28A-158.15 thuộc sở hữu của chị Đỗ Thị H, thời điểm đó do anh Nguyễn Quang N2 đang quản lý, sau đó mang bán cho anh Phạm Minh Đ1 lấy tiền chi tiêu cá nhân, trị giá chiếc xe bị chiếm đoạt là 450.000.000 đồng. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá cùng toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Tòa án nhân dân khu vực 12 - Phú Thọ đã xét xử bị cáo Nguyễn Quang N về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó, không chấp nhận đề nghị của Người bào chữa về việc áp dụng tội nhẹ hơn là Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

[2.2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá nhân thân của bị cáo và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là lao động chính trong gia đình, hiện nuôi bố mẹ già và hai con nhỏ, được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Quang N 11 (Mười một) năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi mà bị cáo gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như được Công nhận Lao động tiến tiến, giáo viên dạy giỏi và có Giấy khen nên cần chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Sửa mức hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2025/HS-ST ngày 24/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Phú Thọ.

[2.3]. Đối với kháng cáo đề nghị bác trách nhiệm của bị cáo phải hoàn trả lại số tiền 163.000.000 đồng cho anh Đ1, Hội đồng xét xử xét thấy: số tiền 163.000.000 đồng là số tiền có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo thừa nhận là đã nhận chuyển khoản từ anh Đ1 và bị cáo cũng chưa trả số tiền trên cho anh Đ1. Do đó, để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải hoàn trả lại số tiền trên cho anh Đ1 là có căn cứ. Từ đó, việc xác định anh Đ1 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là đúng. Do đó, không chấp nhận ý kiến của Luật sư về việc xác định anh Đ1 không phải là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cũng như giao dịch giữa anh Đ1 và bị cáo N là giao dịch khác, không thuộc nội dung vụ án.

[2.4]. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 343 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2.5]. Về án phí: Do bản án hình sự sơ thẩm bị sửa một phần nên bị cáo Nguyễn Quang N không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Quang N. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2025/HS-ST ngày 24/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Phú Thọ về mức hình phạt, cụ thể:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang N phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Quang N 10 (Mười) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù, tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo về việc bị cáo Nguyễn Quang N không phải hoàn trả số tiền 163.000.000 đồng cho anh Đ1. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2025/HS-ST ngày 24/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Phú Thọ về trách nhiệm dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Quang N phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh Phạm Minh Đ1 số tiền 163.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi ba triệu đồng chẵn*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí: Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Quang N không phải nộp án phí phúc thẩm.

5. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (26/12/2025)/.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 12- Phú Thọ;
- TAND khu vực 12 - Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 12 - Phú Thọ;
- PC10, PV06 - Công an tỉnh Phú Thọ;
- Trại tạm giam số 3 - CA tỉnh Phú Thọ;
- Trại tạm giam số 03 - Bộ Quốc phòng;
- Phòng Điều tra hình sự Quân khu 3 - BQP
- TAND quân khu 3 - Bộ Quốc phòng;
- Đảng ủy xã Cao Phong - Phú Thọ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án; HCTH.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Liễu